TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HS - ST
Ngày 31/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Nguyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Thủ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 01/01/1981; tại Giồng Riềng, Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện G, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị H; có vợ tên Nguyễn Thanh T; Con 02 người (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2001); Tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Tốt; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2023 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Người bị hại: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp K, xã H, huyện G, tỉnh K (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp K, xã H, huyện G, tỉnh K (có mặt).

3.2. Chị Trần Thị Tuyết L, sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp K, xã H, huyện G, tỉnh K (có mặt).

4. Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Lâm là luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Lâm thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Ông Trần Quốc Bảo là Luật sư của công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Việt Tín Bảo (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 12/10/2022, Nguyễn Thanh T (vợ của T) kêu T quan chợ thành phố V, tỉnh H mua thịt trâu về bán. Lúc đầu T không đồng ý đi vì do bán ế, nhưng vợ kêu nhiều lần nên Tùng đồng ý đi.

Do trước đó T và Nguyễn Văn D đã nhắn tin điện thoại hẹn quan hệ bất chính với nhau từ trước. Khi T vừa đi mua thịt trâu về bán thì phát hiện T cầm theo 01 cái võng mang ra phía sau vườn để gặp D. Lúc này D cũng đi đến để gặp T như đã hẹn trước đó. Khoảng 04 giờ cùng ngày T đang trên đường đi thì nghi ngờ T ngoại tình vì bình thường bán ế T không chịu mua thịt về bán. Do nghi ngờ vợ ngoại tình nên quay trở lại, khi về đến nhà thấy cửa đóng, sau đó đi vòng ra sau thấy cửa mở nhưng không có T ở nhà. Lúc này T nghi ngờ T ra vườn gặp D (năm 2021 bắt gặp T và D ở ngoài vườn 01 lần) nên T đi ra vườn mang theo một con dao (dao có bao phía ngoài) đi ra vườn tìm T thì phát hiện T và D ngồi trên võng nói chuyện. Khi phát hiện T đến D bỏ chạy phóng qua lưới rào vịt dưới nước, T đuổi theo D phóng xuống ruộng bị vướng chân nên ôm được chân của D dùng dao mang theo đâm gây thương tích cho D trúng một vết gối phải; mông phải 02 vết; 01 vết khủy tay phải, 02 vết bàn tay phải; 01 vết kẻ ngón IV – V bàn tay phải; 01 vết cẳng tay trái; 01 vết bàn tay trái. Khi D nắm được lưỡi dao thì T rút lại không đâm nữa. Sau đó, T kêu D lên bờ, lúc này T quay lại xin T tha cho D, đồng thời D cũng xin tha. Sau khi D và T xin T tha thì Tg có dùng dao cắt vào chân T 02 vết làm bằng chứng, T hoảng sợ nên chạy vào nhà Trần Văn Kh và Quách Thị Yến N (cháu của D) nói việc T và D lén lút gặp nhau bị T bắt gặp nên nhờ Kh can ngăn. Ngay lúc này N đến nhà Trần Thị Tuyết L (vợ D) thông báo D bị T đâm gây thương tích thì thấy D đã về đến nhà, còn Kh ra vườn không thấy T và D nên biết đã về nhà. D được người nhà đưa đi cấp cứu điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang từ ngày 12/10/2022 đến ngày 19/10/2022 thì xuất viện. Thương tích của Nguyễn Văn D bị giảm sức khỏe theo kết luận giám định pháp y thương tích là 16%. Còn T sau khi đâm D gây thương tích đã đến Công an xã Hòa An đầu thú và giao nộp con dao gây án.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 716/KL-PY ngày 05/12/2022 của trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận: thương tích của Nguyễn Văn D như sau:

(1) Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm vùng khủy tay phải, bàn tay phải (vết 2) bàn tay tái, mông phải (02 vết) gối phải và cẳng chân phải.

- Vết thương cẳng tay trái gây đứt gân duỗi cổ tay trụ trái đã được phẫu thuật khâu nối gân đứt, hiện tại không hạn chế vận động.

- Vết thương bàn tay phải (vết 1) gây đứt gân gấp nông và sâu ngón III tay phải đã được phẫu thuật khâu nối gân đứt, hiện tại không hạn chế vận động.

(2) Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 16% (mười sáu phần trăm).

(3) Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

*Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 con dao có chiều dài 25 cm, có phần cán làm bằng nhựa màu đen, dài 10 cm, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 15 cm, sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao nhọn.

- 01 cái võng dù màu xanh, đã qua sử dụng có dây dù ở hai đầu, chất liệu võng bằng vải

- 01 thẻ nhớ màu đen, loại Micro dung lượng thẻ nhớ là 02 GB. Bên trong có chứa 02 Fale ghi âm cuộc gọc được niêm phong trong phong bì màu trắng theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS, ngày 06/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố Nguyễn Thanh T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 01 Điều 134) của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội "Cố ý gây thương tích". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc bị cáo đã khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng mà bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Phát biểu của luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trong lúc tinh thần bị kích động mạnh, do bức xúc bị hại có quan hệ ngoại tình với vợ của bị cáo gây nên ức chế về tâm lý. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, có nhân thân tốt, quá

trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp; Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các khoản chi phí cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Việc đại diện Viện kiểm sát xác định người bị hại có một phần lỗi trong vụ án này là chưa đúng; bởi lẽ trong hồ sơ không có tài liệu nào chứng minh về hành vi của người bị hại nên không có cơ sở để xác định một phần lỗi của người bị hại. Về hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, người bị hại không đồng ý mà đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ nghiêm; Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo bồi thường 196.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt, đồng ý bồi thường tiền thuốc và các chi phí khác hợp lý cho người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng 03 giờ sáng, ngày 12/10/2022 bị cáo đi lấy thịt trâu bên tỉnh H về bán, do nghi ngờ vợ ngoại tình với anh D ở cùng ấp, đi được nửa đường thì bị cáo quay lại nhà mình không thấy vợ trong nhà, bị cáo đi ra ngoài vườn phát hiện vợ tên Nguyễn Thanh T cùng với anh Nguyễn Văn D ngồi trên chiếc võng tại vườn nhà bị cáo, do bị cáo đi tới chỗ anh D và vợ đang ngồi trên võng phát ra tiếng động, anh D nghe thấy bỏ chạy qua lưới rào vịt dưới nước nhưng bị mắc lại, bị cáo không làm chủ được hành vi nên dùng dao đâm vào tay, chân và mông của anh D, sau đó đến cơ quan công an xã H đầu thú.

Xét thấy lời trình bày trên của bị cáo cho thấy đã phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ mà cơ quan điều tra đã thu thập được và theo bản kết luận giám định

pháp y số 716/KL - PY ngày 05/12/2022 của trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận: thương tích của Nguyễn Văn D tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 16%. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của con người, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của con người là vô cùng quý giá, được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ không ai có quyền xâm hại, nếu cố ý xâm hại sẽ bị pháp luật nghiệm trị. Bị cáo cũng ý thức được dao là hung khí nguy hiểm, nhưng vì bức xúc chuyện anh D có quan hệ không đúng đắn với vợ của mình. Mặt khác, anh D cũng là hàng xóm láng giềng với bị cáo, thời điểm giữa anh D gặp vợ bị cáo ở ngoài vườn vào lúc trời còn tối đã tạo lên sự nghi ngờ đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh Dương gặp vợ của bị cáo vào thời điểm không thích hợp (lúc trời tối) địa điểm gặp nhau tại vườn nhà bị cáo, ngồi chung một chiếc võng. Sau khi, lời qua tiếng lại, đáng lẽ anh D phải giải thích cho rõ ràng sự việc để không tạo ra sự nghi ngờ, dẫn đến bị cáo có hành vi gây thương tích cho anh D. Đây cũng là một phần lỗi của anh D, dẫn đến bị cáo không làm chủ được hành vi của mình đã dùng dao đâm liên tiếp vào tay, chân và mông gây thương tích cho anh D.

Hành vi trên đây của bị cáo Nguyễn Thanh T đã thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tính chất, mức độ, hậu quả bị cáo gây ra thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng cho bị cáo một mức án nghiêm khắc để giáo dục trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi gây án bị cáo đã đến cơ quan công an xã đầu thú, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, lời bào chữa của vị luật sự tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, từ trước đến ngày phạm tội đều thực hiện tốt chính sách ở địa phương nên có căn cứ áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống

xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục thể hiện sự khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thuốc 34.500.000 đồng; người chăm sóc và mua thuốc điều trị 15.500.000 đồng; tiền mất thu nhập 72.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng. Tổng cộng: 196.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu trên của anh D là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét các khoản chi phí cho phù hợp với quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2022/NQ – HĐTP, ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cụ thể như sau: Tổng số tiền anh D điều trị trong thời gian nằm viện từ ngày 12/10/2022 đến ngày 19/10/2022, sau đó tái khám nhập viện từ ngày 09/11/2022 đến ngày 14/11/2022, tổng cộng 14 ngày. Số tiền thuốc điều trị là 9.479.245 đồng; bảo hiểm y tế chi trả số tiền 7.449.639 đồng, anh D chỉ phải chi trả số tiền 1.978.405 đồng.

+ Tiền thuốc được chấp nhận là: 1.978.405 đồng

+ Ngày nằm viện 14 ngày không lao động của người bệnh và người nuôi bệnh được tính cụ thể: 01 ngày = 250.000 đồng x 14 ngày/02 người = 7.000.000 đồng.

+ Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau khi ra viện 01 tháng (30 ngày) x 250.000đồng/ngày = 7.500.000 đồng

+ Khoản tiền tổn thất tinh thần 20 tháng x 1.490.000 đồng/tháng = 29.800.000 đồng

+ Tiền xe đi lại 04 chuyến 1.200.000 đồng.

Tổng cộng các khoản buộc bị cáo phải bồi thường cho anh D là 47.478.405 đồng (bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm linh năm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã đưa trước cho anh D là: 20.000.000 đồng và tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng số tiền 13.528.406 đồng theo biên lai thu tiền số 6624, ngày 15/5/2023. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh D số tiền 13.949.999 đồng (mười ba triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy các đồ vật gồm: Một con dao có chiều dài 25 cm, có phần cán làm bằng nhựa màu đen, dài 10 cm, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 15 cm, sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao nhọn; Một cái võng dù màu xanh, đã qua sử dụng có dây dù ở hai đầu, chất liệu võng bằng vải.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 13.949.999 đồng x 5% = 697.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều Điều 65 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2022/NQ – HĐTP, ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 93 của Luật thi hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải bồi thường tiền thuốc và các chi phí hợp lý khác cho anh D là: 47.478.405 đồng (bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm linh năm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã đưa trước cho anh D 20.000.000 đồng và tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng số tiền 13.528.406 đồng theo biên lai thu tiền số 6624, ngày 15/5/2023. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh D số

tiền 13.949.999 đồng (mười ba triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy một con dao có chiều dài 25 cm, có phần cán làm bằng nhựa màu đen, dài 10 cm, phần lưỡi bằng kim loại, màu trắng dài 15 cm, sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao nhọn; một cái võng dù màu xanh, đã qua sử dụng có dây dù ở hai đầu, chất liệu võng bằng vải.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 697.500 đồng (sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện* **;**
- *Trại tạm giam;*
- *Cơ quan điều tra;*
- *CQ Thi hành án dân sự huyện;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên